

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 761/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Công bố 05 Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong đó: 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã.

(có Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong đó: 04 quy trình liên thông UBND tỉnh; 01 quy trình thẩm quyền cấp xã.

(có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 04 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện,	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận làng nghề truyền thống Mã TTHC: 1.003727	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích	Không	- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Công nhận nghề truyền thống Mã TTHC: 1.003712	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích	Không	- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của

						Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Công nhận làng nghề Mã TTHC: 1.003695	24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích	Không	- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Hỗ trợ dự án liên kết Mã TTHC: 1.003397	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. - Khoản 6 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

B. CẤP XÃ : 01 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện,	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ liên kết sản xuất (cấp xã) Mã TTHC: 1.003434	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bru chính công ích	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ- CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

PHỤ LỤC II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 04****1. Công nhận làng nghề truyền thống**

- Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm: 24 ngày làm việc

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Phòng Phát triển nông thôn và Giảm nghèo, Chi cục Phát triển nông thôn	Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng PTNT và giảm nghèo	Dự thảo văn bản (<i>Tờ trình, Quyết định</i>)	08 ngày
		Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Tờ trình, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/2 ngày
	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			12 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/2 ngày
	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Quyết định công nhận	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			24 ngày làm việc

2. Công nhận nghề truyền thống

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 24 ngày làm việc

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Phòng Phát triển nông thôn và Giảm nghèo thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng PTNT và giảm nghèo	Xây dựng dự thảo văn bản (Tờ trình, quyết định) trình lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình cấp trên hoặc văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ nếu chưa	08 ngày
		Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Tờ trình, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày
	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			12 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/2 ngày
	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Quyết định công nhận	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			24 ngày làm việc

3. Công nhận làng nghề

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian còn: 24 ngày làm việc

Stt	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Phòng Phát triển nông thôn và Giảm nghèo thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng PTNT và giảm nghèo	Xây dựng dự thảo văn bản (Tờ trình, quyết định) trình lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định trình cấp trên hoặc văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ nếu chưa	08 ngày
		Lãnh đạo phòng PTNT và giảm nghèo	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Xét duyệt	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Tờ trình, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/2 ngày
	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			12 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/2 ngày
	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Quyết định công nhận	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			24 ngày làm việc

4. Hồ trợ dự án liên kết

- Thời gian giải quyết: 25 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Phát triển nông thôn tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng Kinh tế hợp tác	Ý kiến phân công	04 ngày
		Chuyên viên	Hồ sơ văn bản (<i>Văn bản gửi các cơ quan, đơn vị cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định; Tờ trình, Dự thảo Quyết định thành lập HĐTD</i>)	
		Trưởng phòng Kinh tế hợp tác	Ý kiến xét duyệt	
B3	Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ	Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết	Văn bản thông báo	08 ngày
		Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã có tờ trình trình UBND xem xét phê duyệt	Dự thảo Tờ trình, báo cáo thẩm định, dự thảo Quyết định	
B4	Xét duyệt	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	Ý kiến trình ký duyệt	1/2 ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Tờ trình, giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/2 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông	1/2 ngày

B7	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			10 ngày
B8	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/2 ngày
B9	Tiếp nhận hồ sơ liên thông, trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Quyết định phê duyệt	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện:			25 ngày làm việc

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01**1. Hỗ trợ liên kết sản xuất (cấp xã)**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 18 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn được phân công phụ trách	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo văn bản thành lập Hội đồng thẩm định	05 ngày
B3	Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ	- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi thẩm định phải thông báo cho tổ chức/cá nhân	Văn bản thông báo	10 ngày
		- Nếu hồ sơ đủ điều kiện trình Chủ tịch UBND xã quyết định phê duyệt	Tờ trình, báo cáo thẩm định, dự thảo Quyết định	
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND Xã	Ký duyệt Văn bản. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B5	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)	01 ngày
B6	Trả kết quả	Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã	Quyết định phê duyệt	1/2 ngày
	Tổng thời gian thực hiện:			18 ngày làm việc